|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-UBND | *Hưng Yên, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của**

**Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

*Căn cứ* *Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ* *Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tại Tờ trình số /TTr-HĐQLQ ngày tháng năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên.

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 8 tháng 9 năm 2020, của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định về tổ chức lại và quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên & Môi trường, Kế hoạch & Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, Quỹ phát triển đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3; - Bộ Tài chính; (để b/c)  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL); - TT Tỉnh ủy,  - TT HĐND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; - CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);  - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;  -Trung tâm TH-CB tỉnh; - Lưu: VT, CV: TH.. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trần Quốc Văn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐIỀU LỆ**

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên***(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày …tháng … năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Điều lệ).

**Điều 2. Tên gọi, trụ sở làm việc**

1. Tên gọi: Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên.

2. Trụ sở làm việc: Số 535 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Số điện thoại: 02213.863.435

4. Web: quyphattriendathungyen.gov.vn

**Điều 3. Đối tượng áp dụng**

Điều lệ này áp dụng đối với Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ) và các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

**Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng Quỹ phát triển đất**

1. Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách Nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ phát triển đất hoạt động theo mô hình độc lập. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định, để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất (sau đây gọi là Nghị định 104/2024/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ phát triển đất**

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất**

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng, thu hồi vốn ứng và xác định chi phí quản lý sử dụng vốn theo quy định tại Điều lệ này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và pháp luật có liên quan.

**Điều 7. Quyền hạn của Quỹ phát triển đất**

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

**Chương II**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT**

**Điều 8. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động**

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ phát triển đất gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban kiểm soát.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều lệ này.

3. Quỹ hoạt động theo mô hình độc lập, được nhận ủy thác các quỹ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Hội đồng quản lý**

1. Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có 05 (năm) thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Quỹ, Giám đốc Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

c) 03 thành viên Hội đồng quản lý là Giám đốc Sở: Tài chính, Tài nguyên & Môi trường và Kế hoạch & Đầu tư, các thành viên của Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Các chức danh của Hội đồng quản lý thay đổi do luân chuyển, miễn nhiệm, chuyển công tác khác hoặc nghỉ hưu, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kiện toàn theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.

a) Quản lý, sử dụng vốn điều lệ của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động của Hội đồng, Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ.

đ) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Quyết định việc bổ nhiệm, kiện toàn, khen thưởng, kỷ luật, đối với các thành viên Ban kiểm soát.

f) Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tập thể; từng thành viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và pháp luật có liên quan.

g) Thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ phát triển đất và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản lý họp thường kỳ ít nhất 01 lần/năm, có thể họp đột xuất để giải quyết các vần đề cần thiết, cấp bách của Quỹ.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, Giám đốc quỹ có văn bản xin ý kiến các nội dung thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản lý đến các thành viên Hội đồng quản lý. Sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày xin ý kiến, thành viên hội đồng không có văn bản phúc đáp, thì nội dung xin ý kiến được thông qua.

c) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng thông báo, nghị quyết hoặc quyết định.

d) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

**Điều 10. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Hội đồng quản lý kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

a) Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm.

b) Trưởng ban kiểm soát là Trưởng phòng của sở Tài chính, các thành viên còn lại là lãnh đạo phòng của các Sở: Tài Nguyên & Môi Trường và Kế hoạch & Đầu tư.

Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ, các thành viên Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

c) Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Việc kiện toàn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát, được thực hiện trên cơ sở văn bản đề nghị, giới thiệu thành viên Ban kiểm soát của các Sở và thực hiện theo điểm b, khoản 1 Điều này.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Trình Hội đồng quản lý phê duyệt quy chế, kế hoạch hoạt động; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và các báo cáo khác theo yêu cầu.

b) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy trình của Quỹ theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

d) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định của Ban kiểm soát là cơ sở để Sở Tài chính phê duyệt quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định; đồng thời là cơ sở để các cơ quan chức năng đánh giá, kiểm tra hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

4. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và pháp luật có liên quan về các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều này.

**Điều 11. Cơ quan điều hành nghiệp vụ**

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và 02 bộ phận: Tổ chức, hành chính, Kế toán; Kế hoạch nghiệp vụ.

Trường hợp thay đổi cơ cấu, tổ chức cho phù hợp, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý và phối hợp với các sở, ngành liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất hoạt động chuyên trách.

3. Biên chế Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là viên chức.

4. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và viên chức của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức và quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh quy định.

**Điều 12. Giám đốc Quỹ phát triển đất**

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo khoản 4, Điều 11, Điều lệ này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng phương hướng hoạt động hàng năm của Quỹ; tham mưu, tổng hợp kế hoạch ứng vốn trình Hội đồng quản lý và phê duyệt kế hoạch ứng vốn sau khi báo cáo Hội đồng.

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ; xây dựng, triển khai kế hoạch công tác được cấp thẩm quyền giao.

c) Quyết định ứng vốn, giải ngân, gia hạn và thu hồi vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy trình, nghiệp vụ thực hiện ứng vốn, thu hồi vốn ứng và xây dựng quy chế mối quan hệ công tác tại Cơ quan điều hành nghiệp vụ quỹ.

d) Báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động của Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý, và các cơ quan có liên quan.

đ) Chấp hành, quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Phó Giám đốc Quỹ phát triển đất**

Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành các hoạt động được phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc và pháp luật có liên quan đến nhiệm vụ được giao. Việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo Khoản 4 Điều 11, Điều lệ này.

**Điều 14. Kế toán trưởng Quỹ**

Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, Luật ngân sách và các quy định của pháp luật có liên quan. Việc bổ nhiệm Kế toán trưởng thực hiện theo Khoản 4 Điều 11, Điều lệ này.

**Chương III**

**HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT**

**Điều 15. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất**

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất gồm:

a) Vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ phát triển đất:…….triệu đồng.

*(Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Vốn điều lệ bổ sung hàng năm cho Quỹ từ hai nguồn sau:

- Nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương.

Việc cấp vốn từ nguồn chi đầu tư phát triển cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách và quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Vốn nhàn rỗi được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước (theo chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, tại Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016) nhưng phải đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ của Quỹ, đồng thời bảo toàn và phát triển vốn.

**Điều 16. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất**

1. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước.

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa (không) thành lập tổ chức phát triển quỹ đất thì đối tượng ứng vốn thực hiện nhiệm vụ tại điểm b khoản này là đơn vị, tổ chức được giao thực hiện.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng thực hiện theo quy định tại các Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

**Điều 17. Kế hoạch, điều kiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất**

1. Kế hoạch ứng vốn

a) Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nhu cầu ứng vốn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức được giao nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này lập kế hoạch ứng vốn, gửi về Quỹ trước ngày 30/11 hàng năm.

b) Căn cứ nguồn vốn hiện có của Quỹ trong năm, Giám đốc Quỹ tổng hợp báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt danh mục các dự án/nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ.

c) Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án/nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý tại thời điểm đề nghị ứng vốn.

d) Trong năm phát sinh dự án/nhiệm vụ cấp bách, đơn lẻ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giao, mà chưa có trong kế hoạch ứng vốn phê duyệt đầu năm, thì bổ sung vào kế hoạch ứng vốn. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm Giám đốc Quỹ phê duyệt bổ sung danh mục dự án ứng vốn vào kế hoạch ứng vốn năm và báo cáo Hội đồng quản lý.

2. Điều kiện ứng vốn gồm:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất được Hội đồng quản lý phê duyệt.

c) Dự án/nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng: Mục đích sử dụng vốn ứng; thời gian và nguồn hoàn trả vốn, chi phí quản lý vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

**Điều 18. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn**

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương ứng vốn cho từng dự án/nhiệm vụ. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng quản lý phê duyệt chủ trương ứng vốn.

b) Căn cứ chủ trương ứng vốn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; Giám đốc Quỹ quyết định ứng vốn và giải ngân vốn ứng theo đề nghị của đơn vị và tiến độ thực hiện dự án.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn.

a) Đơn vị, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ; hồ sơ đề nghị gồm:

-Văn bản đề nghị ứng vốn, trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng đúng thời gian cam kết.

- Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến dự án/nhiệm vụ ứng vốn kèm theo.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Quỹ kiểm tra đủ điều kiện ứng vốn theo khoản 2 Điều 17 lập Tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương ứng vốn; hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

c) Căn cứ văn bản đồng ý chủ trương ứng vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ quyết định ứng vốn, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản để giải ngân vốn ứng theo đề nghị của đơn vị và tiến độ thực hiện dự án.

3. Căn cứ quyết định ứng vốn, chứng từ chuyển tiền từ Quỹ; chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ phát triển đất.

4. Việc giải ngân vốn ứng được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở đề nghị của đơn vị ứng vốn và tiến độ thực hiện của dự án, nhiệm vụ.

5. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức được ứng vốn

a) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đề nghị ứng vốn, tài khoản nhận vốn ứng.

b) Sử dụng vốn ứng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng vào mục đích khác.

c) Bố trí, xây dựng dự toán hoặc nguồn vốn từ dự án, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng về Quỹ theo đúng cam kết.

6. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra, đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo quy định.

**Điều 19. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất**

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ứng vốn.

2. Chi phí quản lý vốn ứng được xác định như sau

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí quản lý vốn ứng | = | Số dư nợ  vốn ứng | x | Mức chi phí quản lý vốn ứng/365 ngày | x | Số ngày  sử dụng  vốn ứng |

*Trong đó:*

- Số dư nợ vốn ứng: là số tiền thực tế đã giải ngân.

- Mức chi phí quản lý vốn ứng: theo lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Mức lãi suất áp dụng cố định cho cả thời gian sử dụng vốn ứng.

- Thời gian sử dụng vốn ứng: theo số ngày cụ thể, do Quỹ và tổ chức ứng vốn xác định.

3. Nguồn hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng được tính trong chi phí khác trong tổng mức đầu tư của dự án hoặc bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác của nhiệm vụ được giao ứng vốn.

**Điều 20. Hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ phát triển đất**

1. Hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng từ nguồn vốn của dự án

a) Đơn vi, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định ứng vốn từ Quỹ; Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

- Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ phát triển đất và đơn vị sử dụng vốn ứng: 01 bản chính;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của đơn vị ứng vốn được phê duyệt: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có và chi phí quản lý vốn ứng), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương, để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

- Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ phát triển đất và đơn vị sử dụng vốn ứng: 01 bản chính;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ phát triển đất; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ phát triển đất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

4. Thời gian hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quỹ và tổ chức được ứng vốn lập biên bản xác định số dư nợ vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng. Chi phí quản lý vốn ứng được hoàn trả cùng với thời gian hoàn trả vốn ứng.

5. Trách nhiệm của các tổ chức liên quan đến quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

a) Tổ chức nhận vốn ứng: Có trách nhiệm hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng theo cam kết.

b) Kho bạc Nhà nước: Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc sử dụng vốn ứng của đơn vị ứng vốn và chỉ được thanh toán các công trình hạng mục khác sau khi tổ chức ứng vốn hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ.

c) Quỹ phát triển đất: Thông báo số vốn ứng, chi phí ứng vốn phải trả đến các đơn vị ứng vốn và Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức nhận vốn ứng mở tài khoản) để giám sát, thực hiện.

**Điều 21. Gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng**

1. Gia hạn vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng

a) Điều kiện gia hạn vốn ứng: Vì lý do khách quan làm chậm tiến độ dự án, dẫn đến hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng không đúng thời gian cam kết. Tổ chức ứng vốn có văn bản báo cáo chi tiết nguyên nhân chậm trả, gửi về Quỹ trước thời gian đến hạn hoàn trả ghi trong quyết định ứng vốn.

b) Thẩm quyền và thời gian gia hạn: Giám đốc Quỹ căn cứ văn bản đề nghị của tổ chức ứng vốn, kiểm tra nội dung liên quan đến nguyên nhân chậm trả và ra quyết định gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng. Thời gian gia hạn không quá thời gian thực hiện dự án.

c) Các dự án/nhiệm vụ đã có nguồn hoàn trả, nhưng đơn vị chậm trả. Quỹ tạm dừng ứng vốn, giải ngân cho các dự án trên địa bàn và báo cáo Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Xử lý rủi ro vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng (nếu có)

Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch họa hoặc lý do khách quan khác, làm ảnh hưởng đến việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng. Giám đốc quỹ phối hợp với các sở ban ngành báo cáo Hội đồng quản lý quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

**Điều 22. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất**

Quỹ phát triển đất được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính Nhà nước khác của địa phương theo quy định. Việc nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định 104/2024/ND-CP.

**Chương IV**

**CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO**

**Điều 23. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất**

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động, chi phí hoạt động và việc quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 24. Các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất**

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý quỹ khác quy định tại khoản tại Điều 22 Điều lệ này.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chi hỗ trợ cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát mức chi cụ thể như sau:

- Hội đồng quản lý: Chủ tịch Hội đồng mức chi 1.800.000 đồng/tháng; Thành viên Hội đồng quản lý mức chi: 1.500.000 đồng/tháng.

- Ban kiểm soát: Trưởng ban Kiểm soát mức chi: 1.500.000 đồng/tháng; Thành viên Ban kiểm soát mức chi 1.200.000 đồng/tháng.

d) Các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, Quỹ xây dựng mức chi cho phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị, phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ theo khoản 3 Điều 12, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

e) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm Giám đốc Quỹ có trách nhiệm ban hành quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, Điều này.

Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Chế độ kế toán, báo cáo**

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 26. Xử lý chuyển tiếp**

1. Các khoản ứng vốn đã phát sinh đến trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo chủ trương, quyết định, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2 Các khoản đã ứng vốn, chưa bố trí nguồn hoàn trả, các đơn vị ứng vốn lập dự toán báo cáo cấp có thẩm quyền để hoàn trả vốn theo quy định.

**Điều 27. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Kế hoạch & Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng bố trí dự toán ngân sách trình cấp thẩm quyền phê duyệt để bổ sung vốn điều lệ (nếu có) và hoàn trả các dự án/nhiệm vụ ứng vốn theo khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.

2. Sở Tài chính:

Hướng dẫn Quỹ chấp hành các chế độ chính sách về tài chính, ngân sách, kế toán có liên quan đến hoạt động của Quỹ; Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng dự toán ngân sách để bổ sung cho Quỹ (nếu có) và hoàn trả các dự án/ nhiệm vụ ứng vốn theo khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.

3. Các sở ngành liên quan

- Sở Xây dựng hướng dẫn các tổ chức ứng vốn từ Quỹ lập dự toán chi phí sử dụng vốn ứng vào mục chi khác của tổng mức đầu tư của dự án.

- Kho bạc Nhà nước hướng dẫn các tổ chức ứng vốn, mở tài khoản nhận vốn, hoàn trả vốn ứng và các thủ tục hành chính theo quy định của ngành có liên quan đến Quỹ. Kiểm soát việc hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

**Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 01 năm 2025.

2. Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 8/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về tổ chức lại và quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên hết hiệu lực kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trần Quốc Văn** |